

**CÔNG TY TNHH SHOPOS**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SHOPOS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SHOPOS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SHOPOS CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110649855

**3. Ngày thành lập:** 14/03/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 5, số 222 đường Dương Đình Nghệ, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0966883638

Fax:

Email: [shopos@sozo.vn](mailto:shopos@sozo.vn)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4330     |
| 4.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4620     |
| 5.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt<br>- Bán buôn thủy sản<br>- Bán buôn rau, quả<br>- Bán buôn cà phê<br>- Bán buôn chè<br>- Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột<br>- Bán buôn thực phẩm khác<br>- Kinh doanh thực phẩm chức năng | 4632     |
| 6.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4641     |
| 7.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>- Bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc<br>- Bán buôn thiết bị y tế                                                                     | 4649     |
| 8.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4651     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4652        |
| 10. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4653        |
| 11. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4659        |
| 12. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(trừ vàng miếng)                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4662        |
| 13. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>- Bán buôn cao su<br>- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)<br>- Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp<br>- Bán buôn bột giấy;<br>- Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại<br>- Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt | 4669        |
| 14. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(trừ hợp báo)                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8230        |
| 15. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa                                                                                                                                                                                                                     | 8299        |
| 16. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 9521        |
| 17. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 9522        |
| 18. | Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 9523        |
| 19. | Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 9524        |
| 20. | Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                      | 9529        |
| 21. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ pháp lý, kế toán, kiểm toán, tài chính)                                                                                                                                                                                                                                                               | 7020        |
| 22. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn về nông học;<br>- Tư vấn về công nghệ khác;<br>- Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý...                                                                                                                   | 7490        |
| 23. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7710        |
| 24. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4690(Chính) |
| 25. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2511        |
| 26. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2592        |
| 27. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                    | 4931        |
| 28. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4932        |

|     |                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 29. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng xe ô tô                                                                                                                                | 4933 |
| 30. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                        | 7730 |
| 31. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                                     | 8129 |
| 32. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Lắp ráp sản phẩm khớp nối, lắp ráp máng cáp                                                                                                                         | 3290 |
| 33. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                                                                | 3311 |
| 34. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                            | 3312 |
| 35. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                | 3313 |
| 36. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                | 3314 |
| 37. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                                                | 3319 |
| 38. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                               | 3320 |
| 39. | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                                                                                                                                                     | 3600 |
| 40. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                         | 3700 |
| 41. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                              | 4221 |
| 42. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                   | 4222 |
| 43. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                    | 4223 |
| 44. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                            | 4299 |
| 45. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                 | 4321 |
| 46. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                              | 4761 |
| 47. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                      | 4771 |
| 48. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ thuốc<br>- Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ thiết bị y tế | 4772 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: ĐỖ TIẾN HÙNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 09/01/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001084002201

Ngày cấp: 12/04/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 127 đường Nguyễn Thái Học, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 127 đường Nguyễn Thái Học, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ LỆ THU

Giới tính: Nữ

Chức danh: Phó Giám đốc

Sinh ngày: 27/02/1996

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 027196000554

Ngày cấp: 29/03/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Phòng 1306 CT2 Chung cư 789 Tổ dân phố Trung 3, đường Xuân Đình, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phòng 1306 CT2 Chung cư 789 Tổ dân phố Trung 3, đường Xuân Đình, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

\* Họ và tên: ĐỖ TIẾN HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 09/01/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001084002201

Ngày cấp: 12/04/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 127 đường Nguyễn Thái Học, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 127 đường Nguyễn Thái Học, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội